

**KẾ HOẠCH**  
**Tiêm bổ sung vắc xin Uốn ván - Bạch hầu giảm liều (Td)**  
**năm 2022 tại tỉnh Thừa Thiên Huế**

**I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Năm 2020 ghi nhận 237 ca bạch hầu tại 10 tỉnh của 3 khu vực, trong đó có các ổ dịch tại 4 tỉnh khu vực Tây Nguyên. Mặc dù số mắc bạch hầu năm 2021 đã giảm song nguy cơ dịch bệnh quay trở lại là hiện hữu trong tình hình tỷ lệ tiêm chủng vắc xin DPT-VGB-Hib và DPT4 tại nhiều tỉnh đạt thấp do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Trong năm 2020-2021, các ca bệnh uốn ván sơ sinh vẫn xuất hiện rải rác tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó tiếp cận, nơi có tỷ lệ tiêm chủng phòng bệnh thấp và tỷ lệ trẻ đẻ tại nhà cao. Mặc dù công tác điều trị uốn ván sơ sinh đã được cải thiện song uốn ván sơ sinh vẫn là bệnh có tỷ lệ chết/mắc cao nhất trong các bệnh truyền nhiễm có vắc xin phòng trong các năm gần đây, dao động từ 32%-33,3%.

Qua theo dõi tại các địa phương trên toàn quốc cho thấy triển khai vắc xin Td cho trẻ 7 tuổi có nhiều thuận lợi, triển khai tiêm chủng vắc xin tại các trường học, hoạt động tiêm chủng vắc xin Td được sự phối hợp, hỗ trợ các thầy cô giáo. Hoạt động tiêm chủng đã được triển khai an toàn, không ghi nhận trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng. Kết quả triển khai liên tục vắc xin Td trong 2 năm (2019, 2020) và tổ chức chiến dịch tại các tỉnh khu vực Tây Nguyên đã giúp từng bước khống chế dịch bạch hầu, giảm số mắc, tử vong. Bên cạnh đó, trong năm 2021 do ảnh hưởng của dịch COVID-19, tỷ lệ tiêm chủng các vắc xin trong TCMR tại tỉnh Thừa Thiên Huế giảm bao gồm vắc xin có thành phần bạch hầu, ho gà, uốn ván, cụ thể tỷ lệ tiêm vắc xin DPT-VGB-Hib cho trẻ em dưới 1 tuổi là 97,2% và DPT4 cho trẻ 18-24 tháng là 97%.

Vì vậy, để tăng tỷ lệ miễn dịch phòng bệnh bạch hầu, uốn ván trong cộng đồng, chủ động phòng ngừa dịch bệnh, việc triển khai vắc xin Td cho trẻ 7 tuổi tại các địa bàn nguy cơ là hết sức cần thiết. Việc tổ chức tiêm chủng này cũng phù hợp với khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới về việc triển khai vắc xin Td cho trẻ lớn.

**II. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

- Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc Hội.

- Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Quyết định số 2155/QĐ-BYT ngày 25/5/2020 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch tiêm bổ sung vắc xin uốn ván- bạch hầu giảm liều (Td) năm 2020.

- Quyết định số 4756/QĐ-BYT ngày 16/11/2020 của Bộ Y tế về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch hoạt động nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 của Dự án 2 – Tiêm chủng mở rộng thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

- Quyết định số 1031/QĐ-BYT ngày 29/04/2022 của Bộ Y tế về việc Phê duyệt kế hoạch tiêm bổ sung vắc xin Uốn ván-Bạch hầu giảm liều (Td) năm 2022 tại 32 tỉnh, thành phố.

- Công văn số 1025/VSDTTU-TCQG ngày 04/05/2022 của Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương về việc Cấp vắc xin uốn ván – bạch hầu (Td) cho hoạt động tiêm chủng bổ sung năm 2022.

- Công văn số 6972/UBND-VH ngày 05/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc triển khai chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin Uốn ván – Bạch hầu giảm liều (Td) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2022.

### **III. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu chung:**

Tăng tỷ lệ miễn dịch phòng bệnh bạch hầu, uốn ván trong cộng đồng nhằm chủ động phòng ngừa dịch bệnh, giảm tỷ lệ tử vong do bệnh bạch hầu, uốn ván tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **2. Mục tiêu cụ thể:**

- Đạt tỷ lệ  $\geq 95\%$  trẻ 7 tuổi tại cộng đồng và trẻ học lớp 2 trên địa bàn toàn tỉnh được tiêm bổ sung 01 mũi vắc xin Uốn ván – Bạch hầu giảm liều (Td).

- Đảm bảo an toàn và chất lượng tiêm chủng theo quy định.

### **IV. ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG, PHẠM VI, THỜI GIAN TRIỂN KHAI**

**1. Đối tượng tiêm chủng:** Tất cả trẻ học lớp 2 trong trường học và trẻ đủ 7 tuổi không đi học trên địa bàn toàn tỉnh sẽ được tiêm 01 mũi vắc xin Td. Ngoại trừ các trường hợp trẻ đã tiêm vắc xin có chức thành phần uốn ván hoặc bạch hầu trong thời gian 01 tháng trước khi triển khai.

**2. Phạm vi triển khai:** 100% Trạm Y tế xã/phường/thị trấn tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

**3. Thời gian triển khai:** Dự kiến bắt đầu từ cuối tháng 9/2022 đến tháng 12/2022.

### **V. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI**

#### **1. Tập huấn triển khai tiêm bổ sung vắc xin Td:**

- Thời gian triển khai: Tháng 7/2022.

- Đối tượng: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tổ chức tập huấn cho cán bộ phụ trách tiêm chủng tại tuyến huyện và tuyến xã.

- Nội dung tập huấn: công tác điều tra lập danh sách đối tượng, lập kế hoạch tiêm chủng, tổ chức buổi tiêm chủng, theo dõi phản ứng sau tiêm, công tác bảo quản vắc xin trong quá trình tiêm chủng, công tác tổng hợp báo cáo kết thúc buổi tiêm chủng.

## 2. Điều tra lập danh sách đối tượng:

- Thời gian triển khai: Trước khi triển khai tiêm chủng tối thiểu 1 tháng.
- Đầu mối thực hiện: Trạm Y tế xã/phường/thị trấn.
- Đơn vị phối hợp: Các trường Tiểu học, Y tế thôn bản, cộng tác viên dân số, trưởng thôn, quân dân Y, Bộ đội biên phòng...
- Nội dung thực hiện:
  - + Điều tra trong trường học: Trạm Y tế xã/phường phối hợp, trao đổi với Ban Giám hiệu nhà trường lập danh sách theo lớp đối với trẻ học lớp 2, đề nghị nhà trường bố trí giáo viên, cán bộ thống kê, đăng ký đầy đủ học sinh trong độ tuổi tại lớp học (theo Phụ lục 2 và hướng dẫn kèm theo).
  - + Điều tra tại cộng đồng: Trạm Y tế xã/phường phối hợp với Y tế thôn bản, cộng tác viên dân số, trưởng thôn, quân dân Y, Bộ đội biên phòng và chính quyền địa phương ra soát nhóm trẻ 7 tuổi không đi học tại cộng đồng. Đối tượng là trẻ 7 tuổi đang có mặt tại địa phương. Danh sách bao gồm cả đối tượng vắng lại, lưu ý những trẻ chưa được quản lý tại vùng sâu, vùng xa, vùng giáp ranh và nơi có biến động dân cư (theo Phụ lục 3 và hướng dẫn kèm theo).

**Lưu ý:** KHÔNG tiêm vắc xin Td cho những đối tượng đã được tiêm vắc xin có chứa thành phần uốn ván hoặc bạch hầu trong vòng 1 tháng trước ngày tiêm.

## 3. Truyền thông:

- Thời gian triển khai: trước và trong khi triển khai hoạt động tiêm vắc xin Td.
- Tuyến tỉnh/huyện: Phối hợp với các cơ quan truyền thông tại địa phương truyền thông để người dân biết sự cần thiết tiêm chủng vắc xin Td và chủ động đưa con em đi tiêm chủng. Khuyến cáo gia đình cho trẻ ăn uống đầy đủ trước khi tham gia buổi tiêm chủng.
- Tuyến xã/phường; Thông báo hằng ngày trên loa, đài về đối tượng, thời gian, địa điểm tổ chức buổi tiêm chủng.
- Các trường Tiểu học: Trạm Y tế xã/phường/thị trấn phối hợp với nhà trường thực hiện truyền thông trực tiếp cho các bậc phụ huynh và học sinh về sự cần thiết tiêm chủng vắc xin Td, gửi giấy mời cho phụ huynh học sinh thông báo thời gian, địa điểm tiêm chủng.
- Truyền thông đáp ứng khi có trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng.
- Truyền thông trực tiếp thực hiện trước và trong thời gian triển khai kết hợp với điều tra đối tượng.

## 4. Cung ứng vắc xin Td và vật tư tiêm chủng:

### 4.1. Dự trữ vắc xin Td và vật tư tiêm chủng:

- Vắc xin Td sử dụng trong kế hoạch là vắc xin do Viện vắc xin và Sinh phẩm Y tế (IVAC) sản xuất đã được cấp phép lưu hành tại Việt Nam, lọ 10 liều, dạng dung dịch.

- Dựa trên số đối tượng cần tiêm chủng, tỷ lệ tiêm chủng mục tiêu và hệ số sử dụng, các tuyến dự trù nhu cầu vắc xin và vật tư tiêm chủng cần thiết theo công thức dưới đây:

+ Số vắc xin Td (liều) = Số đối tượng x Tỷ lệ tiêm chủng dự kiến (>95%) x Hệ số sử dụng vắc xin (1,3)

+ Số bơm kim tiêm tự khóa 0,5 ml (cái) = Số đối tượng x Tỷ lệ tiêm chủng dự kiến (>95%) x Hệ số hao phí sử dụng (1,1).

+ Số hộp an toàn 5 lít (cái) = (Tổng số BKT/100) x Hệ số hao phí dự dụng (1,1).

- Tổng số vắc xin Td dự kiến sử dụng năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (từ cuối tháng 9/2022 đến tháng 12/2022) là 22.600 liều (Phụ lục 1).

#### **4.2. Tiếp nhận, bảo quản, vận chuyển vắc xin Td:**

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tiếp nhận vắc xin Td, vật tư tiêm chủng từ Viện Pasteur Nha Trang, bảo quản vắc xin Td tại kho của tỉnh và thực hiện cấp phát vắc xin Td cho Trung tâm Y tế các huyện/thị xã/thành phố ít nhất 01 tuần trước khi tổ chức tiêm chủng.

- Trung tâm Y tế các huyện/thị xã/thành phố tiếp nhận vắc xin từ kho tỉnh về kho huyện để bảo quản và cấp phát cho các xã 1-2 ngày trước khi tiêm chủng hoặc ngay trước buổi tiêm.

- Trạm Y tế xã/phường/thị trấn tiếp nhận vắc xin từ tuyến huyện, bảo quản và sử dụng vắc xin theo đúng quy định.

#### **5. Tổ chức tiêm chủng:**

- Thời gian triển khai: Dự kiến bắt đầu từ cuối tháng 9/2022 đến tháng 12/2022.

##### **5.1. Hình thức triển khai:**

- Tổ chức triển khai dưới hình thức tiêm chủng bổ sung tại nhà trường kết hợp với tiêm chủng tại cơ sở y tế.

- Triển khai tại trường học: Tiêm chủng cho đối tượng là trẻ em đang học lớp 2.

- Triển khai tại Trạm Y tế: Tiêm chủng cho đối tượng là trẻ em đủ 07 tuổi không đi học và thực hiện tiêm vét.

- Triển khai tại các điểm tiêm chủng ngoài trạm: đối với các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng khó tiếp cận.

##### **5.2. Tổ chức buổi tiêm chủng:**

- Trạm Y tế xã/phường/thị trấn phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục, các trường tiểu học để bố trí điểm tiêm chủng, tổ chức triển khai tiêm vắc xin Td cho các đối tượng là trẻ học lớp 2. Đối với vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã đặc biệt khó khăn cần phối hợp với lực lượng Quân Y, Bộ đội biên phòng.

- Không tổ chức buổi tiêm chủng cùng đợt với tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ đủ 07 tuổi tại địa phương, khoảng cách giữa mũi tiêm vắc xin Td và vắc xin phòng COVID-19 ít nhất là 14 ngày.

- Quy trình tổ chức buổi tiêm chủng thực hiện theo đúng Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ và Thông tư số 24/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

- Số buổi tiêm chủng tại mỗi điểm tiêm phụ thuộc vào số đối tượng trên địa bàn, không quá 100 đối tượng/bàn tiêm/buổi tiêm cho riêng vắc xin Td hoặc không quá 50 đối tượng/bàn tiêm/buổi tiêm nếu tiêm cùng các vắc xin khác.

- Bố trí các đội cấp cứu lưu động tại các điểm tiêm chủng để xử trí kịp thời các trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng nếu có.

- Rà soát và tiêm vét: Những trẻ thuộc diện đối tượng đã được đăng ký hoặc chưa được đăng ký có mặt tại địa bàn ở thời điểm triển khai cần được tiêm vét ngay cuối đợt hoặc trong các buổi tiêm chủng thường xuyên, đảm bảo không bỏ sót đối tượng.

- Đối với các trường hợp tạm hoãn: Cần có kế hoạch tiêm vét vào ngày tiêm chủng thường xuyên trong tháng ngay sau đó.

- Bố trí, thực hiện thực hành đảm bảo phòng chống dịch COVID-19 trước, trong và sau tiêm chủng theo quy định.

- Giám sát, báo cáo phản ứng sau tiêm: trong thời gian triển khai, thực hiện giám sát và báo cáo nhanh các trường hợp phản ứng nặng, cụm phản ứng sau tiêm chủng theo quy định.

## **6. Theo dõi, giám sát, báo cáo**

### **6.1. Kiểm tra, giám sát:**

- Thời gian: trước, trong và sau khi triển khai tiêm vắc xin Td

- Nội dung giám sát: Giám sát thực hiện chuyển đổi vắc xin, công tác truyền thông, thực hiện an toàn tiêm chủng, sẵn sàng xử trí phản ứng sau tiêm chủng, giám sát hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện tại các tuyến, giám sát hỗ trợ trong buổi tiêm chủng, giám sát quản lý, sử dụng vắc xin, vật tư tiêm chủng.

- Tuyến tỉnh, tuyến huyện chủ động thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát hoạt động xây dựng kế hoạch và triển khai tiêm chủng tại các Trạm Y tế và phối hợp với ngành giáo dục đào tạo giám sát công tác chuẩn bị, triển khai tiêm chủng tại trường học.

- Cán bộ giám sát có trách nhiệm theo dõi giám sát và hỗ trợ cơ sở tiêm chủng thực hiện đúng các quy định của Bộ Y tế, đảm bảo chất lượng và an toàn tiêm chủng.

### **6.2. Theo dõi, báo cáo:**

- Các địa phương cần nhập danh sách đối tượng trẻ đủ 07 tuổi và trẻ học lớp 2, thông tin tất cả các mũi tiêm vắc xin Td trên Hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia.

- Thực hiện báo cáo kết quả tiêm vắc xin Td lên tuyến trên hàng tháng trong thời gian tổ chức tiêm chủng (*theo Phụ lục 4*) và tổng hợp báo cáo kết quả bằng văn bản trong vòng 3 ngày sau khi kết thúc hoạt động đối với tuyến xã phường, 7 ngày đối với tuyến huyện/thị xã/thành phố và 14 ngày đối với tuyến tỉnh (*theo phụ lục 5*)

- Theo dõi báo cáo tình hình phản ứng sau tiêm vắc xin theo thường quy, báo cáo kết quả cùng với báo cáo tiêm chủng. Các trường hợp tai biến nặng được điều tra và báo cáo theo quy định.

## **VI. DỰ KIẾN KINH PHÍ:**

**5.1. Ngân sách từ Trung ương:** Hỗ trợ vắc xin Td.

**5.2. Ngân sách địa phương:** chi trả cho các hoạt động như tập huấn, điều tra, truyền thông, in ấn biểu mẫu, báo cáo, vận chuyển và bảo quản vắc xin, công tiêm, kiểm tra giám sát, mua bơm kim tiêm, hộp an toàn...

Dự kiến kinh phí địa phương chi trả là **222.518.500 đồng** (*bằng chữ: Hai trăm hai mươi hai triệu năm trăm mười tám nghìn năm trăm đồng*)

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

### **1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh:**

- Giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh làm đầu mối triển khai thực hiện chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin Uốn ván – Bạch hầu giảm liều (Td) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2022.

- Chủ động trong công tác tiếp nhận và phân phối vắc xin Td và vật tư tiêm chủng; đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời cho các huyện, xã để tổ chức tiêm chủng theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch kinh phí chi tiết trình phòng Kế hoạch - Tài Chính của Sở Y tế xem xét để gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kinh phí triển khai theo quy định.

- Triển khai các hoạt động truyền thông, tuyên truyền ý nghĩa lợi ích của hoạt động tiêm bổ sung vắc xin Td cho người dân trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn triển khai kế hoạch tiêm bổ sung vắc xin Td cho cán bộ y tế các tuyến.

- Kiểm tra, giám sát, tổng hợp và báo cáo kết quả triển khai tiêm bổ sung vắc xin Td về Sở Y tế theo quy định.

### **2. Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố Huế:**

- Huy động, bố trí đầy đủ nhân lực, trang thiết bị cho các điểm tiêm chủng bao gồm cả các đội cấp cứu lưu động, tổ chức buổi tiêm chủng và theo dõi, xử lý các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng theo quy định.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo điều tra đối tượng tại các trường Tiểu học trên địa bàn; phối hợp với chính quyền địa phương, các ban, ngành, đoàn thể liên quan rà soát nhóm trẻ đủ 07 tuổi không đi học tại cộng đồng để lập danh sách đối tượng cần tiêm chủng và triển khai các hoạt động truyền thông, tuyên truyền ý nghĩa lợi ích của hoạt động tiêm bổ sung vắc xin Td.

- Chỉ đạo các Trạm Y tế triển khai kế hoạch tiêm bổ sung vắc xin Td theo quy định, đảm bảo an toàn và hiệu quả.

- Phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát trước, trong và sau khi triển khai và tổng hợp báo cáo kết quả tiêm chủng theo quy định.

### **3. Bệnh viện Trung ương Huế và Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế:**

- Phối hợp, hỗ trợ Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố Huế xử trí cấp cứu các trường hợp có phản ứng nặng sau tiêm chủng khi có yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch tiêm bổ sung vắc xin Uốn ván – Bạch hầu giảm liều (Td) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, Sở Y tế đề nghị các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện.

Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc xin liên hệ về Sở Y tế (thông qua đầu mối Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

#### ***Nơi nhận:***

- Bộ Y tế (để b/c);
- Chương trình TCMR quốc gia (để b/c);
- Viện Pasteur Nha Trang (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- UBND các huyện/tx/tp (để phối hợp);
- Các Sở: GD-ĐT, TT-TT, Tài chính (để phối hợp);
- Các đơn vị tại mục VII (để thực hiện);
- Lưu: VT, NVY.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Kiên Hảo**

**Phụ lục 1.**

**Dự kiến đối tượng và nhu cầu vắc xin Td, vật tư tiêm chủng năm 2022**  
(Từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022)

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Dự kiến đối tượng trẻ 7 tuổi</b>	<b>Số vắc xin Td (liều)</b>	<b>Số BKT 0,5ml (cái)</b>	<b>Số hộp an toàn (cái)</b>
1	Phong Điền	1.576	1.800	1.800	18
2	Quảng Điền	1.330	1.500	1.500	15
3	Hương Trà	1.057	1.200	1.200	12
4	TP Huế	5.749	6.500	6.500	68
5	Phú Vang	2.100	2.300	2.300	23
6	Hương Thủy	1.764	2.000	2.000	20
7	Phú Lộc	3.093	3.400	3.400	34
8	Nam Đông	572	650	650	7
9	A Lưới	1.044	1.250	1.250	13
<b>Cộng</b>		<b>18.285</b>	<b>22.600</b>	<b>22.600</b>	<b>210</b>





## **HƯỚNG DẪN GHI DANH SÁCH TRẺ CẦN TIÊM VẮC XIN Td TẠI TRƯỜNG HỌC**

1. **Đối tượng** là tất cả học sinh đang học lớp 2.
2. **Danh sách đối tượng** được lập theo lớp.
3. **Các đối tượng:** i, Mới được tiêm vắc xin chứa thành phần uốn ván hoặc bạch hầu trong vòng 1 tháng tính đến ngày tiêm; hoặc ii, Tiêm vắc xin Td trong đợt bổ sung năm 2021-2022 vẫn đưa vào danh sách nhưng ghi rõ ngày tiêm liều tiêm vắc xin (không tính vào số đối tượng). Khuyến khích dùng mực khác màu khi lập danh sách cho những trẻ này để dễ phân biệt, đồng thời ghi vào cột “Ghi chú” số 6 loại vắc xin có chứa thành phần uốn ván hoặc bạch hầu đã tiêm.
4. **Viết theo định dạng 2 ký tự** ngày, 2 ký tự tháng, 2 ký tự năm. Ví dụ: ngày sinh 02/03/14.
5. Cột ngày tiêm sẽ do cán bộ y tế điền ngay sau khi đối tượng được tiêm vắc xin.
6. Nếu đối tượng bị hoãn tiêm, vắng mặt, chuyển nơi ở, chuyển trường/lớp, bị ốm, bị mắc bất cứ bệnh nào tại thời điểm tiêm vắc xin hoặc có tiền sử phản ứng với mũi tiêm uốn ván, bạch hầu trước đó thì ghi thông tin vào cột ghi chú.



## **HƯỚNG DẪN THÔNG KÊ DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG 7 TUỔI CẦN TIÊM VẮC XIN Td TẠI CỘNG ĐỒNG**

1. Đối tượng 7 tuổi bao gồm cả nam và nữ sinh sống trên địa bàn.
2. Danh sách điều tra đối tượng được lập theo từng thôn/ấp/tổ.
3. Các đối tượng: Mới được tiêm vắc xin chứa thành phần uốn ván hoặc bạch hầu trong vòng 1 tháng tính đến ngày tiêm hoặc tiêm vắc xin Td trong đợt bổ sung năm 2021-2022 vẫn đưa vào danh sách nhưng ghi rõ ngày tiêm liều tiêm vắc xin (không tính vào số đối tượng). Khuyến khích dùng mực khác màu khi lập danh sách cho những trẻ này để dễ phân biệt, đồng thời ghi vào cột “Ghi chú” số 6 loại vắc xin có chứa thành phần uốn ván hoặc bạch hầu đã tiêm.
4. Viết theo định dạng 2 ký tự ngày, 2 ký tự tháng, 2 ký tự năm. Ví dụ: ngày sinh 02/03/14.
5. Cột ngày tiêm sẽ do cán bộ y tế điền ngay sau khi đối tượng được tiêm vắc xin.
6. Nếu đối tượng bị hoãn tiêm, vắng mặt, chuyển nơi ở, bị ốm, bị mắc bất cứ bệnh nào tại thời điểm tiêm vắc xin hoặc có tiền sử phản ứng với mũi tiêm uốn ván, bạch hầu trước đó thì ghi thông tin vào cột ghi chú.

**Phụ lục 4**  
**BÁO CÁO THÁNG KẾT QUẢ TIÊM BỔ SUNG VẮC XIN Td NĂM 2022**  
 Từ ngày / / 20.... Đến ngày / / 20

Khu vực:  
 Tỉnh/thành phố:  
 Huyện/thị xã:  
 Phường/xã:

TT	Địa phương	Vắc xin Td (Liều)		Kết quả tiêm vắc xin Td					Số trường hợp phản ứng sau tiêm chủng					
		Số nhận	Số sử dụng (tính theo liều các lọ đã mở)	Số đối tượng	Số tiêm được	Số chống chỉ định	Số tạm hoãn	Số tiêm vãng lai	Phản ứng thông thường				Tai biến nặng sau tiêm chủng	
									Số trường hợp *	Sốt $\leq 39^{\circ}\text{C}$	Sung, đau tại chỗ tiêm	Các triệu chứng khác		
1														
2														
3														
4														
...														
<b>Cộng</b>														
<b>Cộng dồn</b>														

(\* ) Tổng số trường hợp phản ứng thông thường sau tiêm chủng (có trường hợp > 1 triệu chứng)

**Người lập báo cáo**  
 (ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm  
**Thủ trưởng cơ quan**  
 (Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 5**  
**TỈNH/HUYỆN:.....CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
 .....,ngày      tháng      năm 20..

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG**

**TIÊM BỔ DUNG VẮC XIN Td CHO TRẺ 7 TUỔI NĂM 2022**

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI**

**Kết quả chung:**

Tuổi	Số đối tượng	Số trẻ đã tiêm	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
7 tuổi				
<7 tuổi				
>7 tuổi				
<b>Tổng</b>				
<i>Trẻ vắng lai</i>				

**Kết quả theo địa phương:**

Huyện	Số đối tượng	Kết quả triển khai					Số trẻ vắng lai	Phản ứng sau tiêm chủng	
		Tại trường học	Tại TYT	Nơi khác	Tổng số trẻ	Tỷ lệ (%)		Thông thường	Tai biến nặng
<b>Tổng</b>									

Tiêm chủng vùng nguy cơ cao:

- Số thôn/ấp/bản/tổ vùng khó khăn:.....
- Nhóm đối tượng khó tiếp cận:.....
- Số đối tượng vùng khó tiếp cận:..... Số tiêm được:.....  
đạt.....%
- Lý do không tiêm chủng:  
.....  
.....
- Số xã/phường có tỷ lệ tiêm chủng thấp:
  - <50%:.....(đơn vị)
  - 50-80%:.....(đơn vị)
  - 80-90%:.....(đơn vị)

## I. PHẢN ỨNG SAU TIÊM VẮC XIN Td, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ TẠM HOÃN

1. Liệt kê những dấu hiệu thường gặp sau khi tiêm vắc xin Td	Số ca
	....(trường hợp)
	....(trường hợp)
<b>2. Số trường hợp phải chống chỉ định</b>	....(trường hợp)
<b>3. Số trường hợp tạm hoãn</b>	....(trường hợp)
Lý do:.....	....(trường hợp)
.....	....(trường hợp)
.....	....(trường hợp)

## II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Công tác chỉ đạo:

- 
- 

### 2. Tổ chức thực hiện

#### 2.1. Thời gian triển khai

- Thời gian triển khai tiêm vắc xin tại.....xã/.....huyện: Từ ngày    tháng  
năm 20    đến ngày    tháng    năm 20

- Tổng số điểm tiêm chủng:....., trong đó:
  - o Số điểm tiêm chủng tại trạm: .....
  - o Số điểm tiêm chủng tại trường học: .....
  - o Số điểm tiêm chủng khác: .....

## 2.2. Hoạt động truyền thông

### a. Lễ phát động: .....Có, .....Không

- Tuyên tỉnh (ngày tổ chức):.....
- Tuyên huyện:...../..... huyện tổ chức lễ phát động
- Tuyên xã:...../..... xã tổ chức lễ phát động

### b. Công tác tuyên truyền

Công tác thực hiện	Số lượt
Tổng số lượt tuyên truyền trên báo, đài địa phương	
Số buổi phát thanh trên loa truyền thanh xã/thị trấn	
Tổng số lớp huấn luyện đã mở tại địa phương	
Tổng số người tham dự	
Các tài liệu do địa phương phát hành	
Các hình thức tuyên truyền khác	

## 2.3. Hậu cần

### a. Số phương tiện đã sử dụng:

Ô tô:....., Xe máy:....., Xe đạp:.....;

Ghe:....., Thuyền:....., Ngựa:.....; Khác:.....

### b. Vắc xin, vật tư tiêm chủng

Vật tư, vắc xin	Có sẵn/ Tồn	Được cấp trong TCMR	Tự mua	Sử dụng*	Hủy	Tồn
<i>Dây chuyền lạnh</i>						
Tủ lạnh (cái)						
Tủ đá (cái)						
Hòm lạnh (cái)						



Phích vắc xin (chiếc)						
Bình tích lạnh (cái)						
Số đã lạnh sử dụng (kg)						
<b>Vắc xin, vật tư</b>						
Vắc xin Td (liều)						
BKT 0,5ml (cái)						
Hộp an toàn (chiếc)						
Vật tư khác:						

\*: Số liều vắc xin đã tiêm cho trẻ và số liều còn lại trong các lọ đã mở nhưng không sử dụng hết được tính vào số sử dụng

#### 2.4. Kinh phí

<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>Số kinh phí (đồng)</b>
1. Ngân sách Trung ương cấp	
2. Ngân sách địa phương cấp	
- Tỉnh:	
- Huyện:	
- Xã:	
3. Các nguồn khác (ghi cụ thể)	
4. Các hình thức hỗ trợ khác (ghi cụ thể)	
<b>Tổng cộng</b>	

#### 2.5. Công tác giám sát và nhân lực triển khai

##### a. Công tác giám sát

- Tuyên tỉnh: Số lượt giám sát:.....lượt; Số người giám sát:.....người; số điểm giám sát:.....điểm.

- Tuyên huyện: Số lượt giám sát:.....lượt; Số người giám sát: .....người; số điểm giám sát:.....điểm.

**b. Nhân lực trực tiếp tham gia chiến dịch**

<b>Cán bộ y tế</b>	<b>Lượt người</b>	<b>Người tình nguyện</b>	<b>Lượt người</b>
Khối cơ quan quản lý		Giáo dục	
Khối bệnh viện		Hội chữ thập đỏ	
Khối trường Y		Hội phụ nữ	
Khối Y học dự phòng		Mặt trận tổ quốc	
Quân Y và Y tế các ngành khác		Đoàn Thanh niên	
.....		Ban, Ngành, đoàn thể khác	
<b>Tổng số</b>		<b>Tổng số</b>	

**III. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN**

**1. Thuận lợi**

- 
- 

**2. Khó khăn**

- 
- 

**V. NHẬN XÉT**

- 
- 
- 

**Người tổng hợp**  
(ký ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ**  
(ký ghi rõ họ tên)